TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 08/01/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tấn Lãnh và bà Nguyễn Thị Ái Liên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXX-ST ngày 09/11/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QDST-DS ngày 19/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QDST-DS ngày 11/12/2018 của TAND huyện Sông Hinh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Tân Yên, xã Ealy, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Do ông Nguyễn Kim H2, sinh năm 1976; địa chỉ: 24/31 Nguyễn Công Trứ, phường 6, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên làm đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/12/2018). Ông H2 có mặt.

2. Bị đơn:

Bà Văn Thị Mỹ L, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Tân Yên, xã Ealy, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Bà L vắng mặt.

Ông Lê Đức T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn Tân An, xã EaBar, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2018, tài liệu có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/01/2016 vợ chồng bà Văn Thị Mỹ L ông Lê Đức T (sau đây viết tắt là vợ chồng bà L) có vay bà H1 số tiền tổng cộng 830.000.000 đồng (viết 03 giấy vay ngày 14/01/2016 viết một giấy 400.000.000đ và một giấy 300.000.000đ, ngày 13/12/2017 vay 130.000.000đ đã trả 20.000.000đ nên viết giấy 110.000.000đ) còn nợ 810.000.000đ, hẹn 03 tháng sau trả, về lãi cứ mỗi lần trả thì hai bên tự thoả thuận lãi suất và không nhớ rõ số tiền lãi đã nhận bao nhiêu vì vợ chồng bà L cố tình dây dưa trả lãi không đầy đủ. Tháng 9/2018 vợ chồng bà L có bán chiếc xe xúc cho bà H1 để trừ nợ với giá là 260.000.000đ còn nợ lại 550.000.000đ đến nay mặc dù bà H1 đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà L không trả. Nay bà H1 khởi kiện vợ chồng bà L yêu cầu trả tiền gốc 550.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

* Theo các tài liệu có tại hồ sơ bị đơn Văn Thị Mỹ L trình bày: Nguyên trước đây vợ chồng bà L có vay tiền của bà Nguyễn Thị H1 3 lần và viết 3 giấy vay tiền gồm 400.000.000đ, 300.000.000đ và 130.000.000đ với lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng. Cuối năm 2017 trả được 20.000.000đ, sau đó bán xe xúc trừ nợ là 260.000.000đ còn nợ lại 550.000.000đ. Vợ chồng bà L hẹn bà H1 cho thời gian kéo dài 6 tháng sẽ trả hoặc khi nào bán được tài sản trả cho bà H1 thì phải giảm một ít tiền gốc vì vợ chồng bà L đã trả lãi cho bà H1 quá nhiều.

* Theo các tài liệu có tại hồ sơ bị đơn ông Lê Đức T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền vay còn lại là 550.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Văn Thị Mỹ L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Yên, xã Ealy, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, ông Lê Đức T cư trú tại thôn Tân An, xã Ea Bar, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên trả nợ tiền vay là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Ngoài ra vợ chồng bà L có đơn yêu cầu chuyển vụ án ngày 02/10/2018 đến TAND huyện Sông Hinh để giải quyết và được nguyên đơn đồng ý là thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Sông Hinh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015).

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Vợ chồng bà Văn Thị Mỹ L ông Lê Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L trả số tiền vay 550.000.000đ và tiền lãi là 204.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền vay 550.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi. Căn cứ 02 giấy mượn tiền ngày 14/01/2016 hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Bị đơn cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn rất nhiều nên không trả lãi nữa và xin nguyên đơn giảm bớt cho một phần tiền vay nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cụ thể số tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Việc bị đơn xin giảm bớt tiền vay không nói cụ thể bao nhiêu và nguyên đơn không đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Ngoài ra, lời khai của bị đơn đều thống nhất với lời khai của nguyên đơn là còn nợ số tiền vay là 550.000.000đ. Do đó, HĐXX đủ cơ sở để kết luận vợ chồng bà Văn Thị Mỹ L ông Lê Đức T nợ bà Nguyễn Thị H1 số tiền vay 550.000.000đ là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 BLDS 2015; Điều 147 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng bà Văn Thị Mỹ L ông Lê Đức T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền vay 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Về án phí: Vợ chồng bà Văn Thị Mỹ L ông Lê Đức T phải chịu 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0009134 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện Sông Hinh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI CHÂU KHA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NIÊ Y LING KSOR Y THƯ BÙI CHÂU KHA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện Sông Hinh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI CHÂU KHA